

Số: 122/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 496/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn L, sinh năm 1976

Địa chỉ: 9/72 Thái P, phường T, thành phố H, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 9/72 Thái P, phường T, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn L và chị Lê Thị D (anh L, chị D đăng ký kết hôn ngày 24/12/2001, số 139, quyển số 01/2001 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn L và chị Lê Thị D xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 19/9/2001, cháu Nguyễn Viết H, sinh ngày 01/4/2003, cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 29/9/2012. Hai bên thoả thuận giao cháu N cho chị D nuôi, anh L cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Riêng hai cháu D, H đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thỏa thuận thi hành án và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Án phí:

+ Án phí ly hôn: Anh Nguyễn L tự nguyện chịu toàn bộ án phí 150.000đồng.

+ Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn L chịu 150.000đồng.

Được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000673 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường T, H;
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú